TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 333/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1981
- Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số X, Đường số Y, Tổ 46, Khu phố 5, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Ngọc T được xác lập vào năm 2002, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện đang cư trú tại Quận 7 và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi sống chung giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Ngọc T có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Ngọc T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Ngọc T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống các đương sự xác nhận có hai con chung là Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 31/3/2007 và Nguyễn Lê Thanh N (nữ), sinh ngày 16/9/2005.

Sau khi thuận tình ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Thanh V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung họ và tên Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 31/3/2007 và Nguyễn Lê Thanh N (nữ), sinh ngày 16/9/2005, bà Lê Thị Ngọc T không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 45, quyển số I do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2002).

- Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh V xác nhận có hai con chung họ và tên Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 31/3/2007 và Nguyễn Lê Thanh N (nữ), sinh ngày 16/9/2005.

Sau khi thuận tình ly hôn bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh V thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Thanh V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung họ và tên Nguyễn Thanh D (nam), sinh ngày 31/3/2007 và Nguyễn Lê Thanh N (nữ), sinh ngày 16/9/2005, bà Lê Thị Ngọc T không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Bà Lê Thị Ngọc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031016 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu